

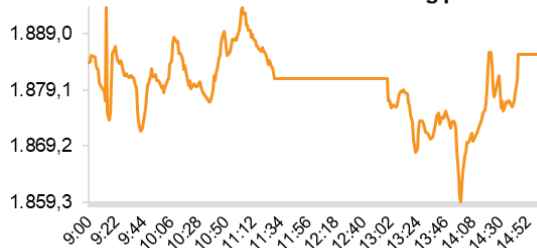
KHÓI PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.885,4	252,7	125,9
1 ngày (%)	-0,4	-0,2	-0,5
1 tháng (%)	10,6	-0,5	5,5
Từ 2026	5,7	1,6	4,1
1 Năm (%)	51,3	14,0	35,6
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	8.803	403	679
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	1,4	2,1	1,0
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

Nguồn: Bloomberg

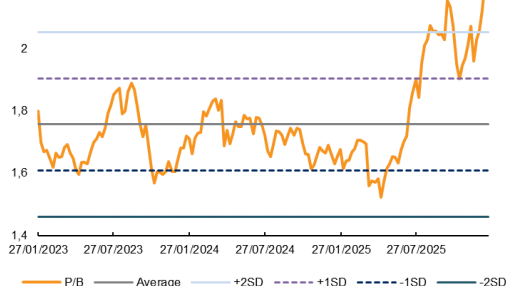
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

Lực cầu cuối phiên hỗ trợ VN-index trong phiên giảm điểm

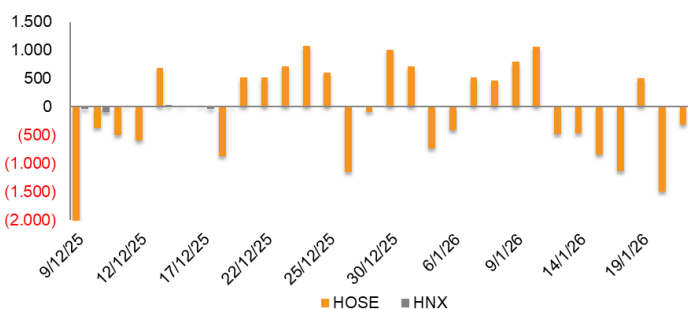
Áp lực bán duy trì trên diện rộng và xuyên suốt phiên giao dịch ngày 21/01 khi một loạt ngành ghi nhận mức tăng trưởng âm. Tuy nhiên, lực cầu vẫn xuất hiện mỗi khi thị trường tiệm cận mốc 1.860 điểm đã hỗ trợ tốt cho chỉ số của thị trường. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index đóng cửa tại 1.885,44 điểm, giảm 8,34 điểm (-0,44%). Độ rộng nghiêng về tiêu cực khi ghi nhận 96 cổ phiếu tăng và 246 cổ phiếu giảm điểm; điều này phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư và xu hướng phân bổ vốn có chọn lọc

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 2.080,38 điểm, giảm 5,23 điểm (-0,25%); nhóm VN30 ghi nhận 9 cổ phiếu tăng và 20 cổ phiếu giảm điểm, cho thấy áp lực chốt lời ở cổ phiếu vốn hóa lớn đã xuất hiện khi nhiều cổ phiếu lớn không thể duy trì đà tăng. Xét về dòng tiền, dòng tiền duy trì tập trung chọn lọc vào một số ngành có câu chuyện riêng, dẫn đầu là Dầu khí (+4,28%), Dịch vụ tiện ích (+2,45%) và Công nghệ (+0,70%). Ngược lại, các ngành chịu áp lực bán bao gồm Dịch vụ tài chính (-1,69%), Bất động sản (-0,53%) và Ngân hàng (-0,35%).

Thanh khoản khớp lệnh trên sàn HOSE đạt 34.549 tỷ đồng, tăng 4,7% so với phiên trước và cao hơn ngưỡng trung bình của 20 phiên gần nhất. Thị trường ghi nhận thanh khoản gia tăng nhưng độ rộng và mức độ lan tỏa của dòng tiền vẫn hạn chế; lực cầu tập trung chọn lọc vào một số cổ phiếu dẫn dắt, trong khi nhiều mã lớn chịu áp lực chốt lời. Trong bối cảnh này, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư cân nhắc việc chốt lời từng phần và chờ đợi cơ hội mua khi thị trường có lực cầu quay trở lại. Đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao: 1) Giữ lại phần danh mục chất lượng có nền tảng lợi nhuận tốt và vị thế tài chính lành mạnh để tận dụng nhịp hồi kỹ thuật. 2) Không mua đuổi trong phiên phục hồi yếu ớt; chỉ xem xét mua lại khi thị trường điều chỉnh rõ rệt và có dấu hiệu ổn định quanh vùng hỗ trợ đã xác định. Đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: 1) Ưu tiên mua trong nhịp điều chỉnh để giảm rủi ro thời điểm; chia nhỏ lệnh mua theo từng nhịp giảm để trung bình giá vào danh mục. 2) Tập trung chọn cổ phiếu cơ bản: doanh nghiệp có lợi nhuận ổn định, dòng tiền kinh doanh tốt và thanh khoản tương đối; tránh mua vào các cổ phiếu có thông tin cơ bản yếu hoặc thanh khoản rất thấp.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,5	179,0	4,2	-0,5	2,1	-0,8	29,1	10,6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	5,4	27,1	3,2	-1,9	5,3	6,7	18,5	-31,0
Năng lượng	2,5	40,0	2,2	4,0	45,4	43,8	58,2	48,0
Tài chính	39,6	12,5	2,0	-0,5	14,2	11,8	40,6	-4,2
Chăm sóc sức khỏe	0,5	26,0	2,6	-0,3	5,2	2,3	10,1	13,2
Công nghiệp	7,4	36,9	5,3	-2,1	2,1	-0,8	102,7	27,4
Công nghệ thông tin	2,3	19,9	4,8	0,7	12,1	10,2	-16,5	15,4
Vật liệu xây dựng	5,8	17,6	1,9	-0,8	15,2	16,0	20,7	11,7
Bất động sản	24,8	91,8	5,8	-0,5	9,7	-3,2	454,3	-13,8
Dịch vụ tiện ích	4,7	21,1	3,2	3,5	49,6	36,1	51,2	25,7

Mua/(bán) ròng khối ngoại (tỷ vnd)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Trung Quốc:** Tại Hội nghị Kinh tế Trung ương, Bắc Kinh khẳng định sẽ duy trì mức thâm hụt ngân sách cần thiết và chính sách tiền tệ nới lỏng để hỗ trợ tăng trưởng. Chính phủ cũng cam kết xử lý khó khăn tài chính của địa phương và tăng chi đầu tư công. Đây là tín hiệu cho thấy Trung Quốc sẽ tiếp tục ưu tiên ổn định kinh tế trong bối cảnh nhu cầu nội địa yếu.

Tin vĩ mô trong nước

- **Văn kiện Đại hội XIV:** Tầm nhìn chiến lược và yêu cầu hành động trong giai đoạn phát triển mới. Hệ thống dự thảo các văn kiện trình Đại hội gồm: Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Dự thảo Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam; Dự thảo Báo cáo tổng kết 15 năm thi hành Điều lệ Đảng (2011–2025) và định hướng sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng. Trong đó, Dự thảo Báo cáo chính trị được xây dựng theo hướng tích hợp đồng bộ ba báo cáo lớn, tạo thành một chỉnh thể thống nhất, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, ngắn gọn và thuận lợi cho tổ chức thực hiện.

Tin ngành và doanh nghiệp

- **GVR – Đặt mục tiêu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026:** Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (mã GVR) xác định năm 2026 là năm bản lề mở đầu cho kế hoạch phát triển 5 năm 2026–2030, đồng thời là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tập đoàn nhiệm kỳ 2025–2030. Trong bối cảnh đó, GVR đặt quyết tâm hoàn thành và phấn đấu vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh (SXKD) và đầu tư, tạo nền tảng tăng trưởng bền vững cho giai đoạn mới.
- **TCB – Techcombank: Lập kỷ lục lợi nhuận năm 2025, khẳng định sức mạnh hệ sinh thái số:** Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) (TCB) ghi nhận kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2025, với lợi nhuận trước thuế đạt 32,5 nghìn tỷ đồng (≈1,235 tỷ USD), tăng 18,2% so với năm 2024 và vượt kế hoạch đề ra. Đây là mức lợi nhuận cao nhất trong lịch sử hoạt động của ngân hàng.
- **VCK – VPSS: Kết quả kinh doanh 2025 bứt phá mạnh, quy mô vốn tăng vọt sau IPO:** Chứng khoán Vietcap (mã VCI) ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực trong quý IV/2025, qua đó hoàn thành và vượt kế hoạch lợi nhuận cả năm, nhờ đà tăng mạnh của hoạt động tự doanh và cho vay. Lợi nhuận ròng gần 443 tỷ đồng (≈ 17 triệu USD), gấp đôi so với cùng kỳ năm 2024. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ giao dịch tự doanh và cho vay, trong bối cảnh thanh khoản thị trường cải thiện và cơ hội đầu tư gia tăng ở nhiều nhóm tài sản. Lợi nhuận trước thuế đạt 1.629 tỷ đồng (≈ 62 triệu USD), vượt 15% kế hoạch năm, Tổng tài sản của Vietcap vượt 36.000 tỷ đồng (≈ 1,37 tỷ USD), Công ty tăng vốn và vay vốn nhằm mở rộng danh mục đầu tư AFS (Available For Sale), thể hiện chiến lược chủ động gia tăng quy mô đầu tư trung – dài hạn, song song với tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn.

Thị trường tiền tệ và hàng hóa

- Chỉ số DXY giảm xuống ~98,5 vào ngày 21 tháng 1 (giảm 0,54% so với tuần trước), mức thấp nhất kể từ ngày 6 tháng 1. Rủi ro địa chính trị gia tăng và đồng USD yếu đi đã khiến dòng tiền chuyển sang các tài sản trú ẩn, đẩy giá vàng lên mức kỷ lục mới, vượt 4.800 USD/ounce. DXY suy yếu thường hỗ trợ cho tỷ giá USDVND, thể hiện qua việc tỷ giá USD/VND dao động quanh mức 26.260 – 26.270, tăng 0,1% so với đầu năm. Tuy vậy, chúng tôi vẫn thận trọng với rủi ro dòng vốn rời khỏi các tài sản rủi ro hơn, như Việt Nam, có thể khiến áp lực tỷ giá quay trở lại.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lãi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,61	-0,3	11,7	10,8	52,0
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/ni)	2,73	-18,5	-59,3	65,5	-30,0
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,37	-1,1	-3,7	-10,7	52,0
USD/VND	26.267	0,0	0,3	0,1	-3,8
DXY	98,64	0,0	0,0	0,3	-8,7
Lãi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,27	-0,5	3,0	2,5	-6,6
Lãi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,66	-0,4	3,9	3,5	-15,2

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	4.873,60	2,3	11,7	12,3	76,6
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	59,66	-1,2	5,3	3,9	-21,4
Dầu Brent (USD/b) 1 thán	64,08	-1,3	6,0	5,3	-19,2
Thép (USD/tấn)	468,0	0,0	0,8	0,2	-6,6
Thịt heo (USD/kg)	1,9	-1,1	12,1	4,0	-14,2
Gạo (USD/tấn)	486,7	0,4	9,7	11,8	-28,4
Phân urea (USD/tấn)	374,5	1,6	10,1	9,3	18,0

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai 19/01/2026	Trung Quốc	Các số liệu vĩ mô quý 4.2025 và tháng 12.2025
	EU	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12.2025
Thứ Ba 20/01/2026	Trung Quốc	Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất kỳ họp tháng 1.2026 của Ngân hàng TW Trung Quốc
Thứ Năm 22/01/2026	Mỹ	Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) tháng 11.2025

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	8.156	3,5	3.815	59.800	73.300	23,5%	0,9%	20,1	3,2	17%
AST	126	0,0	5	73.500	85.400	19,6%	3,4%	14,6	5,1	38%
HVN	3.358	1,6	715	28.350	43.400	55,3%	2,2%	9,5	15,8	
VJC	3.749	15,9	858	181.800	113.600	-37,0%	0,6%	62,6	4,4	8%
Bán lẻ										
BAF	449	3,3	208	38.800	37.200	-4,1%		21,1	2,7	13%
DGW	386	3,1	104	45.850	49.600	9,3%	1,1%	19,0	3,1	17%
FRT	991	3,1	168	152.800	150.300	-1,4%	0,2%	42,2	8,4	25%
MCH	7.889	3,7	2.747	159.800	147.000	-6,7%	1,3%	29,6	13,0	44%
MWG	4.807	20,9	54	85.400	96.300	13,9%	1,2%	21,6	4,0	20%
PNJ	1.427	2,8	1	109.900	109.900	0,9%	0,9%	16,7	3,1	21%
QNS	654	0,2	266	46.700	53.400	16,5%	2,1%	7,6	1,5	20%
SAB	2.471	3,1	1.027	50.600	59.900	22,3%	4,0%	15,3	2,9	18%
VHC	530	2,4	425	62.000	71.300	18,2%	3,2%	8,9	1,4	17%
VNM	5.593	13,4	2.769	70.300	74.800	10,5%	4,1%	18,9	4,3	24%
Tài chính										
ACB	4.860	9,9	77	24.850	31.300	29,5%	3,5%	7,3	1,4	20%
BID	14.167	8,2	1.795	53.000	47.200	-10,1%	0,8%	14,0	2,3	18%
CTG	11.887	18,6	514	40.200	49.000	22,7%	0,8%	9,4	1,9	22%
HDB	5.536	22,2	218	29.050	34.900	22,3%	2,2%	9,1	2,0	25%
LPB	4.885	3,9	205	42.950	33.400	-16,4%	5,8%	11,2	3,0	25%
MBB	8.280	26,2	119	27.000	32.900	23,7%	1,9%	9,0	1,7	21%
STB	4.457	22,8	722	62.100	45.700	-25,4%	1,0%	9,5	1,9	22%
TCB	9.658	17,4	0	35.800	40.300	15,4%	2,8%	10,0	1,5	14%
TPB	1.816	6,5	93	17.200	17.800	9,0%	5,5%	7,3	1,2	17%
VCB	23.158	15,1	1.973	72.800	69.300	-4,2%	0,6%	17,3	2,7	17%
VIB	2.307	4,2	0	17.800	23.600	36,0%	3,4%	8,0	1,3	18%



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.775	23,5	443	29.050	37.100	29,4%	1,7%	9,6	1,4	15%
Dệt may										
MSH	152	0,7	66	35.450	40.600	25,8%	11,3%	6,9	1,8	28%
TCM	117	1,4	2	27.400	29.800	10,6%	1,8%	11,9	1,3	11%
Khu công nghiệp										
BCM	3.006	1,5	968	76.300	68.600	-8,8%	1,3%	21,5	3,7	18%
GMD	1.145	3,8	100	70.500	72.000	5,0%	2,8%	23,1	2,4	12%
HAH	384	5,1	87	59.800	55.400	-6,1%	1,3%	8,6	2,4	31%
VSC	321	7,8	150	22.500	19.100	-12,9%	2,2%	18,6	1,6	9%
IDC	676	3,6	252	46.800	45.600	0,6%	3,2%	9,7	2,7	31%
KBC	1.327	5,9	511	37.000	30.000	-17,9%	1,0%	19,8	1,4	7%
PHR	323	1,1	116	62.600	68.400	11,4%	2,2%	12,7	2,1	17%
VTP	566	3,6	248	122.000	129.200	6,8%	0,9%	50,4	8,5	18%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	998	12,4	431	69.000	128.300	90,3%	4,3%	8,8	1,7	20%
HPG	7.831	34,1	2.261	26.800	30.000	13,0%	1,1%	14,3	1,6	12%
Dầu khí										
BSR	4.232	8,4	2.019	22.200	16.700	-22,8%	2,0%	53,7	1,9	4%
GAS	10.105	5,6	4.727	110.000	78.400	-26,9%	1,9%	21,9	4,1	20%
OIL	598	1,2	36	15.200	14.800	-1,0%	1,6%	48,1	1,5	3%
PLX	2.859	6,2	135	59.100	47.700	-17,3%	2,0%	30,2	2,9	10%
PVD	630	9,1	241	29.750	32.600	18,0%	8,4%	18,4	1,0	6%
PVS	806	8,4	276	41.400	41.800	2,5%	1,6%	14,6	1,5	11%
PVT	367	2,9	142	20.500	23.400	15,3%	1,1%	9,8	1,2	12%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	638	3,6	294	24.650	22.700	-4,4%	3,5%	21,6	1,5	7%
DCM	715	2,8	324	35.500	40.000	18,3%	5,6%	10,8	1,8	17%
DDV	152	1,3	70	27.300	39.700	48,7%	3,3%	23,7	2,2	10%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	110	0,3	53	35.900	34.100	-3,6%	1,4%	24,4	2,2	9%
Điện										
POW	1.711	5,5	771	14.650	14.400	-0,6%	1,1%	21,8	1,2	6%
Điện và BĐS										
HDG	365	2,8	111	25.900	37.400	46,0%	1,6%	27,6	1,5	5%
PC1	364	3,2	132	23.250	26.500			19,1	1,6	9%
REE	1.281	1,0	0	62.100	76.600	24,7%	1,4%	13,0	1,7	13%
Bất động sản										
DXG	644	10,6	164	15.200	18.300	33,6%	13,2%	37,3	1,2	3%
KDH	1.226	7,5	274	28.700	41.800	46,7%	1,0%	35,9	1,8	5%
NLG	550	3,0	37	29.800	42.200	43,1%	1,5%	15,5	1,3	9%
VHM	19.218	28,5	7.965	122.900	93.600			19,3	2,3	13%
VRE	2.703	14,5	961	31.250	32.000	5,8%	3,4%	14,6	1,6	11%
Công nghệ										
FPT	6.810	31,1	653	105.000	118.200	13,5%	1,0%	19,9	5,0	27%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**Hội sở**

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: +84 24 3972 4568

Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM

ĐT: +84 28 7300 0688

Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng

ĐT: +84 511 382 1111

Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An

ĐT: +84 23 8730 2886

Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ

ĐT: +84 710 3766 959

Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh

ĐT: +84 98 8619 695

Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa

ĐT: +84 90 3255 202

Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

ĐT: +84 27 4222 2659

Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình

ĐT: +84 22 8352 8819

Fax: NA